

Bản án số: 143/2021/HC-PT

Ngày: 25/6/2021

V/v Yêu cầu hủy công văn trả lời đơn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Điều Văn Hằng;

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Mạnh Hùng;

Ông Bùi Xuân Trọng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thanh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Nguyễn Thị Thu Hằng, Kiểm sát viên cao cấp tham gia phiên tòa.

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 479/2020/TLPT-HC ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc “*Yêu cầu hủy công văn trả lời đơn*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 140/2020/HC-ST ngày 16/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 4620/2021/QĐ-PT ngày 07 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:**

1. Ông Đặng Văn C, sinh năm 1942; có mặt.

2. Bà Vũ Thị H, sinh năm 1949; có mặt.

Cùng địa chỉ: Tầng 2, gác nhà trong, số 16C, phố ĐT, phường Đ, quận K, thành phố Hà Nội.

*** Người bị kiện: Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hà Nội**

Địa chỉ: Tầng 1,2 nhà N1, A, B khu đô thị NC, phường N, quận X, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Ngọc Q – Phó Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội; có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Phạm Vũ Kiều H2, sinh năm 1964; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bà Phạm Vũ Giang L, sinh năm 1967; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: số nhà 08, ngõ 17 F, phường S, quận LC, thành phố Hải Phòng.

- Bà Vũ Thị L1, sinh năm 1944; địa chỉ: số nhà 133, đường BK, thành phố DH, tỉnh Quảng Trị; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các bản khai tại Tòa án, người khởi kiện là ông Đặng Văn C và bà Vũ Thị H trình bày.

Cụ Trịnh Văn C1 vợ là cụ Vũ Thị N đã bán cho cụ Đào Thị T1, góa cụ Vũ Huy L1 một bất động sản tại Hà Nội, có ký chứng thư đoạn mại. Địa chỉ bất động sản tại phố ĐTsố 16C thửa đất số 899, diện tích đất 183m², giấy chứng nhận quyền sở hữu và quyền sử dụng nhà đất số 505 ghi trong bằng khoán điền thổ 505 Hà Nội C1 nay là quận K quyền số 3 tờ 104 gồm:

- Thửa đất số 899, diện tích đất 183m², Giấy chứng nhận quyền sở hữu và quyền sử dụng nhà đất số 505 ghi trong bằng khoán điền thổ số 505 khu Hà Nội C1 nay là quận K ghi vào trong sổ địa chính Hà Nội.

- Một ngôi nhà gạch 2 tầng cùng các nhà phụ thuộc trên thửa đất số 899 diện tích đất 183m², Giấy chứng nhận quyền sở hữu và quyền sử dụng nhà đất số 505 ghi trong bằng khoán điền thổ số 505 khu Hà Nội C1 nay là quận K ghi vào trong sổ địa chính Hà Nội số 899 khu chữ C tờ bản đồ số 7.

Sau khi cụ Đào Thị T1 trước bạ và đăng ký ngày 22/9/1951, ông Quản đốc Sở quản lý quyền Sở hữu và quyền sử dụng nhà đất thành phố Hà Nội đã ký chứng thực sang tên cho cụ Đào Thị T1 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sở hữu và quyền sử dụng nhà đất số 505.

Thực hiện quyền của người sở hữu và sử dụng nhà đất, cụ Đào Thị T1 đã lập chứng thư chia đứt tài sản là ngôi nhà gạch 2 tầng cùng các nhà phụ xây trên diện tích đất 183m², số thửa 899, số nhà 16C phố ĐTở bản đồ số 7, khu chữ C cho 3 người con là Vũ Thị H, Vũ Thị L1, và Vũ Thị Đặng G; Phạm Vũ Kiều H2 đại diện cho 2 em tuổi vị thành niên hàng thừa kế thế vị nhận cho 3 chị em phần của mẹ đẻ là bà Vũ Thị Đặng G đã chết trước khi chia và cụ Đào Thị T1 để lại một phần tài sản để mình sinh sống, dưỡng già.

Ngày 20/7/1983, ông Nguyễn Công K1 - Phó chủ tịch UBND quận K, thành phố Hà Nội đã ký chứng thư chia đứt ngôi nhà gạch 2 tầng cùng các nhà phụ thuộc xây trên diện tích 183m² đất thuộc số nhà 16C phố ĐTcho các bà Vũ Thị H, Phạm Vũ Kiều H2, Vũ Thị L1 và cụ Đào Thị T1.

Sau khi làm thủ tục trước bạ và đăng ký tại Hà Nội vào chung quyền số 6 tờ 109 số 390, ngày 11 tháng 8 năm 1983, ông Phùng M giám đốc Sở nhà đất Hà Nội đã ký quyết định cấp Giấy chứng nhận sở hữu và sử dụng nhà đất số 63 cho bà Vũ Thị H, Giấy chứng nhận sở hữu và sử dụng số 64 cho bà Phạm Vũ Kiều H2 và 2 em là Vũ G L và Phạm Ngọc B, Giấy chứng nhận sở hữu và sử dụng nhà đất số 65 cho bà Vũ Thị L1 và Giấy chứng nhận sở hữu và sử dụng nhà đất số 66 cho cụ Đào Thị T1.

Văn bản các sổ chứng nhận sở hữu và sử dụng nhà đất số 63,64,65,66 bên trong các sổ này là 4 giấy chứng nhận số 63,64,65,66 do ông Phùng M ký cấp 4 giấy chứng nhận này ngày 11/8/1983, đã trước bạ và đăng ký tại Hà Nội ngày 26/7/1983.

Các sổ chứng nhận sở hữu và sử dụng nhà đất số 63,64,65,66 đã được công chứng nên các chứng cứ: Giấy chứng nhận trước bạ, đăng ký sang tên tại sở nhà đất Hà Nội quyền số 6 tờ 109 số 390 ngày 26 tháng 7 năm 1983 là những chứng cứ không phải chứng minh.

Ngày 15/12/2017, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đã nhận 2 bộ hồ sơ (trong đó có 2 giấy chứng nhận bản chính) của bà Vũ Thị L1 mã 16748 và bà Vũ Thị H mã 16747.

Ngày hẹn trả kết quả 26/12/2017.

Ngày 14 tháng 7 năm 2016, bà Vũ Thị H có đơn đề nghị hỏi về thủ tục xin cấp đổi Sổ chứng nhận sở hữu và sử dụng nhà đất số 66 của bà Đào Thị T1 là mẹ đẻ của bà Vũ Thị H.

Ngày 26/12/2017, theo lịch hẹn ông H2 đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Ở đây ông được biết 2 bộ hồ sơ của ông không được cấp đổi và 2 bộ hồ sơ ấy đã chuyển ra ngoài nên ông đã xin rút 2 bộ hồ sơ (trong đó có 2 giấy chứng nhận bản chính), ông đã nhận đủ 2 bộ hồ sơ trong đó có 2 giấy chứng nhận bản chính của bà Vũ Thị L1 và Vũ Thị H.

Ngày 12 tháng 12 năm 2018, ông bà nhận được văn bản trả lời đơn số 12702/VPĐKKĐĐ-ĐK & CGCN của Văn phòng đăng ký đất đai với nội dung không cấp đổi 4 giấy chứng nhận trước ngày 10 tháng 12 năm 2009 và quyết định 4 giấy chứng nhận này là các giấy tờ để cấp giấy chứng nhận lần đầu. Việc không cấp đổi 4 giấy chứng nhận trước ngày 10 tháng 12 năm 2019 đã vi phạm khoản 2 điều 97 luật đất đai 2013. Việc đưa sổ chứng nhận sở hữu và sử dụng nhà đất số 63,64,65,66 phải đăng ký cấp giấy chứng nhận lần đầu là hành động phi pháp hủy hoại tính pháp lý của 4 giấy chứng nhận đã được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cấp.

Với 2 vi phạm nghiêm trọng trên đây ông, bà đề nghị Tòa án nhân dân

thành phố Hà Nội:

1. Tuyên hủy quyết định hành chính số 12702/VPĐKĐĐ- ĐK & CGCN ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội.

2. Buộc văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội phải cấp đổi Giấy chứng nhận sở hữu và sử dụng nhà đất số 63 cho bà Vũ Thị H, giấy chứng nhận sở hữu và sử dụng nhà đất số 64 cho bà Phạm Vũ Kiều H2 và 2 em Phạm Vũ Giang L, Phạm Ngọc B, giấy chứng nhận sở hữu và sử dụng nhà đất số 65 cho bà Vũ Thị L1, giấy chứng nhận sở hữu và sử dụng nhà đất số 66 cho bà Đào Thị T1 theo đúng các giấy chứng nhận số 63,64,65,66 mà ông Phùng M - Giám đốc Sở nhà đất Hà Nội đã ký quyết định cấp ngày 11 tháng 8 năm 1983.

Bà Đào Thị T1 đã chết nhưng không để lại di chúc, chúc thư nên di sản của bà Đào Thị T1 sẽ giải quyết theo pháp luật.

Quan điểm của Văn phòng quản lý đất đai Hà Nội:

Ngày 17/8/2016, Tổng Cục Quản lý đất đai có Văn bản số 1559/TCQLĐĐ- CDKĐĐ gửi Sở Tài nguyên và Môi trường, bà Vũ Thị H về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho bà Đào Thị T1 (là mẹ của bà H) tại 16C phố ĐT, có nội dung:

“Ngày 26/7/1983 bà Đào Thị T1 đã được Sở Nhà đất thành phố Hà Nội cấp Sổ chứng nhận sở hữu nhà và sử dụng đất số 66, trong đó có chứng nhận diện tích: nhà chính 29,48 m², nhà phụ 8,36 m² (không chứng nhận diện tích đất sử dụng).

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 của Luật Đất đai năm 2013 thì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng đã được cấp theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở, pháp luật về xây dựng trước ngày 10 tháng 12 năm 2009 vẫn có giá trị pháp lý và không phải đổi sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; trường hợp người đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 10 tháng 12 năm 2009 có nhu cầu cấp đổi thì được đổi sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này.

Theo quy định của pháp luật đất đai qua các thời kỳ thì sổ chứng nhận sở hữu và sử dụng nhà đất không phải là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Sổ chứng nhận sở hữu nhà và sử dụng đất nêu trên là giấy tờ khác về quyền sử dụng đất quy định tại điểm g khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai 2013, Khoản 5 Điều 18 Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy

định: “Giấy tờ có nội dung về quyền sở hữu nhà ở, công trình; về việc xây dựng sửa chữa nhà ở, công trình được UBND cấp huyện, cấp tỉnh hoặc C quan quản lý nhà nước về nhà ở, xây dựng, chứng nhận hoặc cho phép, là giấy tờ thực hiện cấp Giấy chứng nhận lần đầu”.

Ngày 15/12/2017, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội tiếp nhận 02 hồ sơ (mã: 16748 và 16747) đề nghị cấp đổi sổ chứng nhận quyền sở hữu và sử dụng nhà đất số 63 của bà Vũ Thị H, sổ 65 của bà Vũ Thị L1 do Sở Nhà đất Hà Nội cấp ngày 11/8/1983 tại số 16C ĐT, phường Đ, quận K (do ông Đặng Văn C người được ủy quyền nộp).

Ngày 22/12/2017, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội có Văn bản số 11302/VPĐKĐĐ-ĐK&CGN, nội dung: Tổng cục Quản lý đất đai có Văn bản số 1559/TCQLĐĐ-CĐKĐĐ ngày 17/8/2016 xác định sổ chứng nhận quyền sở hữu và sử dụng nhà đất nêu trên không phải là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; các sổ trên là một trong các giấy tờ để cấp giấy chứng nhận lần đầu và chuyển hồ sơ (mã 16748 và 16747) đến Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội khu vực BĐ - K - J để thực hiện cấp Giấy chứng nhận lần đầu theo quy định; Văn bản có gửi bà Vũ Thị H, Vũ Thị L1 và ông Đặng Văn C để biết.

Ngày 23/12/2017, Chi nhánh khu vực BĐ - K - J có Văn bản số 21504/CNKV chuyển 02 hồ sơ nêu trên đến phường UBND phường Đ để giải quyết theo quy định.

Ngày 26/12/2017, ông Đặng Văn C có đơn đề nghị Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội trả lại 02 hồ sơ đã nộp; ông C đã nhận lại các hồ sơ trên.

Ngày 26/11/2018, ông Đặng Văn C lại có đơn đề nghị hướng dẫn cấp đổi 04 Sổ chứng nhận sở hữu nhà và sử dụng đất số 63,64,65 và 66 do Sở Nhà đất Hà Nội cấp năm 1983 tại 16C phố ĐT sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Ngày 12/12/2018, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội có Văn bản số 12702/VPĐKĐĐ-ĐK&CGN trả lời ông Đặng Văn C, nội dung: “Ngày 22/12/2017, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội có Văn bản 11302/VPĐKĐĐ-ĐK&CGCN gửi Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội khu vực BĐ - K - J (đồng thời gửi các ông bà: Vũ Thị H3, Vũ Thị L1, Đặng Văn C) về việc cấp đổi sổ chứng nhận sở hữu và sử dụng nhà đất số 63 và 65 do Sở Nhà đất Hà Nội cấp ngày 11/8/1983 tại số nhà 16C ĐT là một trong các giấy tờ để cấp Giấy chứng nhận lần đầu.

Hồ sơ nộp để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận lần đầu theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 và Khoản 1 Điều 7 Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi

trường.

Nơi nộp hồ sơ: Tại UBND phường Đ hoặc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội khu vực BĐ - K - J C1 cứ Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Khoản 4 Điều 1 Quyết định số 24/2018/QĐ-UBND ngày 15/10/2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 12/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội, Thủ tục 2 danh mục IV phần 1 phụ lục kèm theo Quyết định số 3542/QĐ-UBND ngày 12/6/2017 của UBND thành phố Hà Nội”.

Các sổ chứng nhận sở hữu nhà và sử dụng nhà đất số 63, 64,65 và 66 do Sở Nhà đất Hà Nội cấp ngày 11/8/1983 tại 16C ĐT(không chứng nhận diện tích sử dụng đất), không phải là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Văn bản số 1559/TCQLĐĐ-CDKĐĐ ngày 17/8/2016 thì các sổ nêu trên không thuộc đối tượng thực hiện cấp đổi sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 Luật Đất đai 2013.

Các sổ chứng nhận số 63, 64,65 và 66 là giấy tờ quy định tại điểm g khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai 2013, Khoản 5 Điều 18 Nghị định 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thực hiện cấp Giấy chứng nhận lần đầu. Như vậy, nội dung Văn bản số 12702/VPĐKĐĐ-ĐK&CGN ngày 12/12/2018 của Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội trả lời đơn ông Đặng Văn C và hướng dẫn hồ sơ nộp, nơi nộp hồ sơ để cấp Giấy chứng nhận lần đầu là đúng quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Vũ Kiều H2, Phạm Vũ Giang L, Vũ Thị L1 trình bày:

Sổ chứng nhận sở hữu và sử dụng nhà đất thể hiện đầy đủ giá trị pháp lý như Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở theo pháp luật hiện hành. Nên những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều cho rằng chỉ cần làm thủ tục cấp đổi từ sổ chứng nhận sở hữu và sử dụng nhà đất sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 140/2020/HC-ST ngày 16/7/2020, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Áp dụng khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Luật tổ chức chính quyền địa phương; Điểm g khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai 2013; Điều 18 khoản 5 Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014; Nghị quyết 326/2016 ngày 30-12-2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

-Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn C và bà Vũ Thị H về yêu cầu thu hồi văn bản số 12702/VPĐKĐĐĐ-ĐK & CGCN ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội.

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn C và bà Vũ Thị H về yêu cầu Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội cấp đổi 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Vũ Thị H, bà Vũ Thị L1, bà Đào Thị T1 và Phạm Vũ Kiều H2 cùng 02 em Phạm Vũ Gia L, Phạm Ngọc B.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau xét xử sơ thẩm, ngày 22/7/2020 ông Đặng Văn C và bà Vũ Thị H có đơn kháng cáo yêu cầu hủy án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị hủy thông báo 12720/VPĐKĐĐĐ-ĐK&CGCN ngày 12/12/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội và buộc Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội phải cấp đổi Giấy chứng nhận sở hữu và sử dụng nhà đất số 63 cho bà H, số 64 cho bà H2; bổ sung đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội: Văn bản số 12702/VPĐKĐĐĐ-ĐK&CGCN ngày 12/12/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội là văn bản hành chính có liên quan trực tiếp đến quyền lợi của ông C và bà H nên Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Về thời hiệu khởi kiện là đảm bảo theo quy định tại khoản 1, điểm a, khoản 2 điều 116 Luật tố tụng hành chính; Thẩm quyền giải quyết đúng quy định tại khoản 1 điều 3, khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 29 Luật tố tụng hành chính.

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, việc chấp hành pháp luật của các đương sự đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung:

Trình tự ban hành, hình thức Văn bản số 12702 được ban hành đúng quy định của pháp luật.

Theo tài liệu chứng cứ người khởi kiện cung cấp là “Sổ chứng nhận sở hữu và sử dụng nhà đất” do Sở nhà đất Hà Nội cấp năm 1983, thể hiện: Trong sổ có diện tích nhà chính, nhà phụ, để trống phần ghi diện tích đất sử dụng. Kèm theo trích lục bản đồ thể hiện sơ đồ mặt bằng nhà, không có sơ đồ diện tích thửa đất.

Các sổ chứng nhận sở hữu nhà và sử dụng nhà đất số 63, 64, 65, 66 do Sở nhà đất Hà Nội cấp ngày 11/8/1983 tại địa chỉ 16C ĐTKhông phải là Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo Văn bản số 1559 thì các sổ nêu trên không thuộc đối tượng thực hiện cấp đổi sang quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Luật đất đai năm 2013. Sổ chứng nhận sở hữu và sử dụng nhà đất nêu trên là giấy tờ khác về quyền sử dụng đất quy định tại điểm g khoản 1 Điều 100 Luật đất đai năm 2013; khoản 5 Điều 18 Nghị định 43 ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định: “Giấy tờ có nội dung về quyền sở hữu nhà ở, công trình; về xây dựng sửa chữa nhà ở, công trình được UBND cấp huyện, cấp tỉnh hoặc cơ quan quản lý nhà nước về nhà ở, xây dựng, chứng nhận hoặc cho phép”. Đây là giấy tờ làm chứng cứ để được cấp quyền sử dụng đất lần đầu mà không phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 100 Luật đất đai.

Do đó, Văn bản số 12702 ngày 12/12/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội trả lời ông Đặng Văn C và hướng dẫn việc nộp hồ sơ, nơi nộp hồ sơ để cấp giấy chứng nhận lần đầu là đúng quy định. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội bác yêu cầu khởi kiện của ông C, bà H là có chứng cứ. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật TTHC 2015, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm: bác kháng cáo và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 140/2020/HC-ST ngày 16/7/2020 của Tòa án nhân dân TP Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy:

1. Về tố tụng: Đơn khởi kiện của ông Đặng Văn C và bà Vũ Thị H đề ngày 22/10/2019, được gửi đến Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội ngày 23/10/2019 là đảm bảo về thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính. Văn bản số 12702/VPĐKĐĐ-ĐK & CGCN ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội trả lời đơn của công dân liên quan đến nội dung cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là văn bản chứa nội dung Quyết định hành chính nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 và Khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính. Người bị kiện trong vụ án được xác định là Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

Tại phiên tòa, người bị kiện và một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt họ là phù hợp với quy định tại Điều 158 Luật tố tụng hành chính.

2. Xét kháng cáo của ông Đặng Văn C và bà Vũ Thị H:

Theo tài liệu trong hồ sơ vụ án do người khởi kiện cung cấp là “Sổ chứng nhận sở hữu và sử dụng nhà đất” do Sở Nhà đất UBND thành phố Hà Nội cấp năm 1983. Trong sổ thể hiện diện tích nhà chính, nhà phụ, để trống phần ghi diện tích đất sử dụng. Kèm theo còn có trích lục bản đồ thể hiện sơ đồ mặt bằng nhà, không có sơ đồ diện tích thửa đất. Ngày 26/11/2018, ông Đặng Văn C có đơn đề nghị hướng dẫn cấp đổi 04 sổ chứng nhận sở hữu nhà và sử dụng đất số 63,64,65 và 66 do Sở Nhà đất Hà Nội cấp năm 1983 tại 16C phố ĐTsang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Ngày 12/12/2018, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội đã có Văn bản số 12702/VPĐKĐĐ-ĐK&CGN trả lời ông Đặng Văn C, nội dung: “Ngày 22/12/2017, Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội có Văn bản 11302/VPĐKĐĐ-ĐK&CGCN gửi Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Hà Nội khu vực BD - K - J (đồng thời gửi các ông bà: Vũ Thị H3, Vũ Thị L1, Đặng Văn C) về việc cấp đổi sổ chứng nhận sở hữu và sử dụng nhà đất số 63 và 65 do Sở Nhà đất Hà Nội cấp ngày 11/8/1983 tại số nhà 16C ĐT là một trong các giấy tờ để cấp Giấy chứng nhận lần đầu (Văn bản gửi kèm theo). Căn cứ vào Văn bản số 1559/TCQLĐĐ CDKĐĐ ngày 17/8/2016 của Tổng cục quản lý đất đai trả lời Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội thì Sổ chứng nhận sở hữu nhà và sử dụng đất nêu trên là giấy tờ khác về quyền sử dụng đất quy định tại điểm g khoản 1 Điều 100 Luật Đất đai 2013. Tại khoản 5 Điều 18 Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định: “Giấy tờ có nội dung về quyền sở hữu nhà ở, công trình; về việc xây dựng sửa chữa nhà ở, công trình được UBND cấp huyện, cấp tỉnh hoặc C quan quản lý nhà nước về nhà ở, xây dựng, chứng nhận hoặc cho phép là giấy tờ thực hiện cấp Giấy chứng nhận lần đầu”.

Do đó, nội dung trả lời công dân của Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội trong văn bản số 12702/VPĐKĐĐ-ĐK & CGCN ngày 12 tháng 12 năm 2018 là đúng quy định pháp luật nên không có căn cứ để thu hồi, hủy văn bản này. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát cấp cao đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Từ phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Văn C và bà Vũ Thị H, giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

Về án phí: Ông C và bà H là người cao tuổi nên không phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính

QUYẾT ĐỊNH

1. Bác kháng cáo của ông Đặng Văn C và bà Vũ Thị H , giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

2. Về án phí: Miễn án phí phúc thẩm hành chính cho ông Đặng Văn C và bà Vũ Thị H .

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND CC tại Hà Nội;
- Cục THADS TP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã Ký)

Điều Văn Hằng

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Bùi Xuân Trọng

Hoàng Mạnh Hùng

Điều Văn Hằng